

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

Tên học phần: Hành vi tổ chức

Mã học phần: 000613

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

| Tổng thời gian học của sinh viên | Giờ trên lớp | | | | Tổng thời gian học trên lớp và tự học |
|--|--------------|---|---|---|---------------------------------------|
| L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar | L | T | P | O | |
| | 30 | 0 | 0 | 0 | 30 + 60 = 90 |

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt **Tiếng Anh:**

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản trị kinh doanh

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Quản trị kinh doanh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Ứng dụng trong việc phân công công việc sao cho phù hợp với từng cá nhân trong tổ chức;

MT2: Ứng dụng các kỹ năng làm việc với con người;

MT3: Giải thích được các biến ảnh hưởng đến hành vi cá nhân và hành vi nhóm;

MT4: Phân biệt sự khác nhau cơ bản giữa lãnh đạo thành công và lãnh đạo hiệu quả.

• Về kỹ năng

MT5: Áp dụng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm vào thực tế;

MT6: Vận dụng các kiến thức về lãnh đạo tình huống để đưa ra quyết định hiệu quả;

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Cảm thông trước những ứng xử không hay của mọi người trong tổ chức do ảnh hưởng của những đặc tính riêng của họ.

MT8: Luôn bình tĩnh khi giải quyết một vấn đề phát sinh do mâu thuẫn giữa các cá nhân trong tổ chức.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT | | | | | | | |
|-------|-----------------|---|------|------|------|------|------|------|------|
| | | PO1 | PO2 | PO3 | PO4 | PO5 | PO6 | PO7 | PO8 |
| | Hành vi tổ chức | 0 | 2 | 2 | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 |
| | | PO9 | PO10 | PO11 | PO12 | PO13 | PO14 | PO15 | PO16 |
| | | 2 | 2 | 3 | 3 | 2 | 3 | 2 | 3 |

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

| Mục tiêu HP | CDR của HP | Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được: | CDR của CTĐT |
|---------------------------------------|------------|--|---------------------------------------|
| Kiến thức | | | |
| MT1 MT2 MT6 | CO1 | Tiếp cận khoa học về hành vi, kỹ năng làm việc với con người. | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14, PO15, PO16 |
| MT2 MT6 | CO2 | Hành vi cá nhân và hành vi nhóm | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| MT7 | CO3 | Hệ thống phân cấp các nhu cầu | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| MT3 MT4 | CO4 | Tìm hiểu phong cách – con đường dẫn tới thành công. | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| MT5 MT7 | CO5 | Xác định tính hiệu quả | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| MT5 MT8 | CO6 | Lãnh đạo theo tình huống và đưa ra các quyết định hợp lý | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14, PO15 |
| Kỹ năng | | | |
| MT5 MT8 | CO7 | Áp dụng kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm vào thực tế | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| MT8 | CO8 | Vận dụng các kiến thức về lãnh đạo tình huống để đưa ra quyết định hiệu quả | PO2, PO3, PO5, PO12, PO14 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | | | |
| MT8 | CO9 | Luôn bình tĩnh khi giải quyết một vấn đề phát sinh do mâu thuẫn giữa các cá nhân trong tổ chức | PO12, PO13, PO14, PO15, PO16 |

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Các nội dung chính được giảng dạy trong học phần này gồm cách tiếp cận về khoa học hành vi, cơ sở hành vi cá nhân và hành vi nhóm, hệ thống phân cấp nhu cầu, lãnh đạo theo tình huống và đặc điểm phong cách của các nhà lãnh đạo, xác định tính hiệu quả của lãnh đạo và cách thức ra quyết định hiệu quả.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

| Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học | Mục đích | CDR của HP đạt được |
|--|--|---|
| Thuyết trình | Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9. |
| Thảo luận | Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO8, CO9. |
| Bài tập nhóm | Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn. | CO7 |
| Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo | Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu. | CO7, CO8. |

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Tham dự tối thiểu 80% số tiết học lý thuyết.
- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- Tham dự kiểm tra giữa kỳ.
- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Có ý thức và thái độ tích cực khi tham gia buổi học.
- Thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

| TT | Hình thức | Trọng số (%) | Tiêu chí đánh giá | CDR của HP | Điểm tối đa |
|----|-----------------------------|--------------|--|---|-------------|
| 1 | Chuyên cần | 10 | - Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9 | 5 5 |
| 2 | Bài tập nhóm | 15 | Chất lượng sản phẩm giao nộp | CO5, CO6, CO7, CO8, CO9 | 10 |
| 3 | Thuyết trình | 25 | Theo thang điểm của giảng viên | CO5, CO6, CO7, CO8, CO9 | 10 |
| 4 | Bài thi tự luận kết thúc HP | 50 | Theo đáp án, thang điểm của giảng viên | CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9 | 10 |

10. Học liệu

Tài liệu học tập

[1] Mark Earls. Tâm lý bầy đàn - Khám phá bản chất con người để thay đổi hành vi đám đông: How to change mass behaviour by harnessing our true nature. 2012. Hoàng Trung, Minh Thu (Dịch giả). NXB Tổng Hợp. [658.8 M345]

11. Nội dung chi tiết học phần

| Tuần | Nội dung | Tài liệu | CĐR của HP |
|-------------|---|---------------|--|
| | Tiếp cận khoa học hành vi | | |
| 1-3 | <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về hành vi và hành vi tổ chức. - Phân tích mô hình hành vi tổ chức. - Lịch sử phát triển của khoa học hành vi. - Những vấn đề cần thay đổi, về quản lý. - Kỹ năng làm việc với con người. - Cơ sở của hành vi cá nhân, hành vi nhóm. | [1] Chương 1. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9. |
| | Hệ thống phân cấp các nhu cầu | | |
| 4-5 | <ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phân cấp nhu cầu của Maslow. - Bản chất, nhân cách của con người. - Phẩm chất quan trọng của nhân cách. - Động cơ thúc đẩy của người lao động. - Dự đoán hành vi của con người. | [1] Chương 2 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9. |
| | Tìm hiểu phong cách – con đường dẫn đến thành công | | |
| 6 | <ul style="list-style-type: none"> - Đặc điểm phong cách của con người. - Lãnh đạo theo tình huống. | [1] Chương 3 | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9. |
| | Xác định tính hiệu quả | | |
| 7-8 | <ul style="list-style-type: none"> - Hiệu quả quản trị và hiệu quả lãnh đạo. - Tạo ra các quyết định có hiệu quả | [1] Chương 4. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9. |
| | Lãnh đạo theo tình huống và đưa ra các quyết định hợp lý | | |
| 9-10 | <ul style="list-style-type: none"> - Tạo ra các quyết định có hiệu quả. - Ra quyết định và quyền hạn nhà lãnh đạo. | [1] Chương 5. | CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9. |

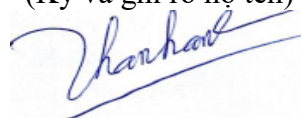
12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu. Phương tiện: tăng âm

Cần Thơ, ngày 06 tháng 8 năm 2018

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



ThS. Trần Trung Chuyên

TRƯỞNG KHOA

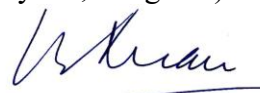
(Ký và ghi rõ họ tên)



PGS.TS. Nguyễn Tri Khiêm

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)



NGND.GS.TS. Võ Tòng Xuân

